

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 29 - 5 - 2023
“T/c hợp đồng dân sự vay tài sản ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Tới
- **Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Phạm Ngọc Thanh
- Ông Nguyễn Tấn Đức

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:** Ông
Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST- DS
ngày 06 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
74/2023/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Bình Đ**, sinh năm 1943 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông **Trần Bình Đ** là
ông **Mai Tấn T** - Trợ giúp viên, **Trung tâm T1** (có mặt).

* Bị đơn: Ông **Trương Minh H**, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp A B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông **Trương Minh H** là Luật
sư **Dương Thùy L** - thực hiện trợ giúp pháp lý Nhà nước (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông **Trần Bình Đ** trình bày:**
Vào ngày 15/4/2003 ông có cho ông **H** vay (mượn) 18 chỉ vàng 24k, không thỏa
thuận lãi suất, thời hạn cho vay là trong năm 2003 trả lại 18 chỉ vàng 24k, khi vay

vàng ông H có viết giấy tay, nhưng đến nay ông H chưa trả. Nay yêu cầu ông H trả cho ông 18 chỉ vàng 24 k, không yêu cầu về lãi suất.

Tại phiên tòa, ông Đặng thừa n là vào năm 2011 ông H có trả cho ông 1.000.000 đồng (quy ra thành 0,5 chỉ vàng 24k), ông đồng ý khấu trừ và yêu cầu ông H trả cho ông 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường) trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 29/5/2023.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 17/4/2023, bị đơn ông Trương Minh H trình bày:** Vào ngày tháng ông không nhớ, năm 2003 ông có vay (mượn) của ông Đ 08 chỉ vàng 24k, thời hạn trả nợ thì ông không nhớ, lúc vay ông có viết giấy vay nợ cho ông H. Sau khi vay vàng, cách 1 - 2 năm sau ông có trả cho ông Đ 03 chỉ và cách 2 - 3 năm sau kể từ ngày trả 03 chỉ vàng thì ông có trả thêm 200.000 đồng (giá vàng 500.00 đ/chỉ), việc trả nợ không có làm giấy tờ gì, từ đó đến nay không trả thêm. Lý do là ông tưởng rằng ông Đ đã xóa nợ, mặt khác thì ông Đ cũng không đến đòi nợ. Nay ông đồng ý trả cho ông H 08 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa, ông thừa nhận và thống nhất trả cho ông Đ 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường), nhưng xin được trả thành 04 lần: Lần thứ nhất vào cuối năm 2023 trả 05 chỉ, lần thứ hai là vào cuối năm 2024 trả 05 chỉ, lần thứ ba là cuối năm 2025 trả 05 chỉ, lần thứ tư là cuối năm 2026 trả 2,5 chỉ.

- Trợ giúp viên, ông Mai Tấn T trình bày: Yêu cầu của ông Đ được ông H chấp nhận về số lượng nợ, nhưng giữa ông Đ và ông H không thống nhất được về thời gian trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, buộc ông H trả cho ông Đ 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường).

- Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, bà Dương Thùy L trình bày: Bên bị đơn thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bên nguyên đơn 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường). Do ông H tuổi đã cao, hiện nay có khó khăn về kinh tế, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được trả dần theo yêu cầu của ông H.

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn bị đơn, luật sư và Trợ giúp viên thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ, buộc ông H trả cho ông Đ 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường).

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 12/5/2023 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa giữa nguyên đơn ông **Trần Bình Đ** và bị đơn ông **Trương Minh H** cùng thống nhất xác định vào năm 2003 giữa ông **Đ** và ông **H** có thỏa thuận với nhau về việc cho vay nợ lẫn nhau, cụ thể là ông **H** vay của ông **Đ** 18 chỉ vàng 24k (loại vàng thường), việc cho vay không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn cho vay là trong năm 2003, ông **H** có viết giấy tay. Việc này các bên đều thừa nhận nên nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Cũng tại phiên tòa, ông **Đặng thừa n** là vào năm 2011 ông có thu nợ của ông **H** số tiền là 1.000.000 đồng, tại thời điểm này giá vàng là 2.500.000đ/chỉ, đồng thời ông **Đ** đồng ý quy ra thành 0,5 chỉ vàng 24k; còn ông **H** thì cho rằng, ông đã trả nợ cho ông **Đ** 2 lần bằng 03 chỉ vàng và 200.000 đồng, nhưng ông **Đ** không thừa nhận, ông **H** không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông **H**. Ông **Đ** đồng ý khấu trừ 0,5 chỉ vàng mà ông đã nhận vào năm 2011 vào số nợ vay 18 chỉ vàng và đồng thời ông **Đ** yêu cầu ông **H** trả lại 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường), ông **Đ** đồng ý trả cho ông **Đ** 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét về thời gian trả nợ: Ông **Đặng yêu c** ông **H** trả nợ trong thời hạn 30 ngày, còn ông **H** thì xin được trả dần trong thời hạn 04 năm. Xét thấy các bên không thống nhất được với nhau về thời gian trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị đơn và lời đề nghị của Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý cho bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận; yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của trợ giúp viên và Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn ông **Trương Minh H** trả cho nguyên đơn ông **Trần Bình Đ** 17,5 chỉ vàng 24k (loại vàng thường).

[4]. Về án phí: Bị đơn ông **Trương Minh H** là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp toàn bộ án phí và đã nộp đơn xin miễn nộp tiền án phí, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ

tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Trương Minh H**; nguyên đơn ông **Trần Bình Đ** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông **Trần Bình Đăng**.

Buộc ông **Trương Minh H** trả cho ông **Trần Bình Đ** 17,5 chỉ (mười bảy phẩy năm chỉ) vàng 24k (loại vàng thường).

Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông **Trương Minh H**; nguyên đơn ông **Trần Bình Đ** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và ông **Đ** được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

